

MỤC LỤC	<b>Trang</b> 02
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	03-06
BÁO CÁO CỦA KIỂM TOÁN VIÊN ĐỘC LẬP	07-08
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	09-11
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	12
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	13
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	14-30

## BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Tư vấn Sông Đà, (gọi tắt là “Đơn vị”) trình bày Báo cáo của Ban Giám đốc cùng với Báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2009.

### **Khái quát chung**

Công ty Cổ phần Tư vấn Sông Đà được chuyển đổi từ Doanh nghiệp Nhà Nước là Công ty Tư vấn Sông Đà theo quyết định số 1680/QĐ - BXD ngày 28 tháng 10 năm 2004 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103006450 lần đầu ngày 23/02/2005 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp, đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 7 ngày 12/8/2009. Vốn điều lệ theo giấy đăng ký kinh doanh 18.000.000.000 (Mười tám tỉ đồng), tương ứng với số lượng cổ phần là 1.800.000 cổ phần (mệnh giá một cổ phần 10.000 đồng)

Đến thời điểm 31/12/2009, Công ty Cổ phần Tư vấn Sông Đà có các đơn vị thành viên, cụ thể:

1. Văn phòng Công ty
2. Xí nghiệp Khảo sát Xây Dựng
3. Trung tâm Thí nghiệm Xây dựng Sông Đà
4. Chi nhánh Tây Bắc

Công ty Cổ phần Tư vấn Sông Đà có trụ sở giao dịch tại: G9 - Thanh Xuân Nam - Quận Thanh Xuân - Thành phố Hà Nội

### **Hoạt động kinh doanh:**

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103006450 lần đầu ngày 23/02/2005 thay đổi lần thứ 7 ngày 12/8/2009:

- Khảo sát địa hình, địa chất công trình và thủy văn các công trình;
- Thí nghiệm để xác định các chỉ tiêu cơ lý của đất, nền móng và vật liệu xây dựng cho các công trình xây dựng;
- Lập kế hoạch tổng thể và quy hoạch chi tiết các công trình dân dụng, công nghiệp và các công trình kỹ thuật hạ tầng đô thị nhóm A;
- Lập dự án đầu tư, thẩm định dự án đầu tư các công trình dân dụng, công trình giao thông, thủy lợi, thủy điện, các công trình kỹ thuật hạ tầng đô thị đến nhóm A;
- Thiết kế các công trình thủy công, thủy lợi, thủy điện, nhà máy thủy điện, cấp thoát nước, công trình kỹ thuật đô thị;
- Thiết kế các công trình thủy công, thủy điện;
- Thiết kế nhà máy thủy điện;
- Thiết kế các công trình xây dựng dân dụng và công nghiệp, kỹ thuật hạ tầng đô thị;
- Thiết kế công trình xây dựng dân dụng và công nghiệp, kỹ thuật hạ tầng đô thị;
- Thiết kế công trình cấp, thoát nước;
- Thiết kế cơ - điện công trình;
- Thiết kế kết cấu đối với: công trình xây dựng dân dụng, công nghiệp, kỹ thuật hạ tầng đô thị;
- Thiết kế điện công trình xây dựng và công nghiệp;

## BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (TIẾP)

### Hoạt động kinh doanh (tiếp) :

- Lập dự toán các công trình dân dụng, công nghiệp, thủy lợi, thủy điện, giao thông, các công trình kỹ thuật hạ tầng đô thị đến nhóm A;
- Thẩm định thiết kế và tổng dự toán các công trình dân dụng, công nghiệp, thủy lợi, thủy điện, giao thông, các công trình kỹ thuật hạ tầng đô thị đến nhóm A;
- Tư vấn lập hồ sơ mời thầu xây lắp, hồ sơ mời thầu thiết bị các công trình xây dựng dân dụng, công nghiệp, thủy lợi, thủy điện, công trình giao thông, các công trình kỹ thuật hạ tầng đô thị đến nhóm A;
- Tư vấn giám sát xây dựng và lắp đặt thiết bị các công trình xây dựng dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi, thủy điện, các công trình kỹ thuật hạ tầng đô thị đến nhóm A;
- Trang trí nội thất;
- Xác định hiện trạng và đánh giá nguyên nhân sự cố các công trình xây dựng, khoan phun và xử lý nền móng các công trình xây dựng;
- Kinh doanh bất động sản, kinh doanh khai thác các dịch vụ về nhà ở, khu đô thị, khu công nghiệp;
- Thiết kế công trình thủy lợi;
- Thiết kế xây dựng ngầm, thiết kế khai thác mỏ;
- Thiết kế các công trình xây dựng cầu và đường bộ;
- Đầu tư xây dựng các công trình dân dụng, công nghiệp, công trình giao thông, công trình thủy lợi, công trình kỹ thuật hạ tầng đô thị;
- Tư vấn đầu tư xây dựng đường dây và trạm biến áp đến 500 KV;
- Quản lý dự án công trình xây dựng dân dụng, công nghiệp, công trình giao thông, công trình thủy lợi, công trình kỹ thuật hạ tầng đô thị;
- Xây dựng các công trình dân dụng, công nghiệp, công trình giao thông, công trình thủy lợi, công trình kỹ thuật hạ tầng đô thị;
- Sản xuất và mua bán điện thương phẩm;
- Sản xuất và mua bán vật liệu xây dựng;
- Khoan nổ ngầm và hớ các công trình dân dụng, công trình công nghiệp, công trình giao thông, công trình thủy lợi, công trình kỹ thuật hạ tầng đô thị;
- Nhận ủy thác đầu tư của các tổ chức và cá nhân;
- Lập báo cáo đánh giá tác động môi trường các dự án đầu tư các công trình dân dụng công nghiệp, thủy lợi, thủy điện, giao thông, các công trình kỹ thuật hạ tầng khu đô thị đến nhóm A (chỉ thiết kế trong phạm vi các thiết kế đã Đăng ký kinh doanh);
- Khai thác, sản xuất và kinh doanh nước sạch phục vụ sinh hoạt và sản xuất công nghiệp ;
- Giám sát thi công xây dựng và hoàn thiện công trình dân dụng, công nghiệp, hạ tầng kỹ thuật;
- Giám sát thi công xây dựng và hoàn thiện công trình công nghiệp, công trình ngầm và mỏ;

- Giám sát thi công xây dựng và hoàn thiện công trình giao thông;
- Giám sát thi công xây dựng lắp đặt thiết bị cơ khí trong công trình, lĩnh vực: lắp thiết bị công trình.

### **BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (TIẾP)**

#### **HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC**

Các thành viên của Hội đồng Quản trị bao gồm:

Ông Trịnh Văn Thới	Chủ tịch Hội đồng quản trị
Ông Phạm Văn Hùng	Thành viên
Ông Đỗ Duy Tháp	Thành viên
Ông Nguyễn Văn Thắng	Thành viên
Ông Nguyễn Việt Cường	Thành viên

Các thành viên của Ban Giám đốc và Kế toán trưởng bao gồm:

Ông Phạm Văn Hùng	Tổng Giám đốc
Ông Đỗ Duy Tháp	Phó Tổng Giám đốc
Bà Lê Thị Thiên Kim	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Duyên Hải	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Đại Thụ	Phó Tổng Giám đốc
Ông Đỗ Sơn Hải	Phó Tổng Giám đốc
Ông Phạm Văn Tích	Phó Tổng Giám đốc
Ông Lương Thanh Tùng	Phó Tổng Giám đốc
Bà Đinh Thị Nờ	Kế toán trưởng

#### **Kiểm toán viên**

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2009 của Đơn vị được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán Đông Á.

#### **Kết quả hoạt động**

Trong năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2009, kết quả hoạt động kinh doanh của Đơn vị như sau:

Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	<i>Đơn vị tính: đ</i> <b>138.386.414.995đ</b>
--	--

Tổng lợi nhuận trước thuế

11.105.087.506đ

## **BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (TIẾP)**

### **Các sự kiện sau ngày kết thúc niên độ kế toán:**

Ban Giám đốc Công ty CP Tư vấn Sông Đà khẳng định rằng, theo nhận định của Ban Giám đốc, trên những khía cạnh trọng yếu, không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày kết thúc niên độ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Đơn vị cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2009.

### **Ý kiến của Ban Giám đốc**

Tôi, Phạm Văn Hùng, Tổng Giám đốc Công ty CP Tư vấn Sông Đà thay mặt và đại diện cho Đơn vị, tại Báo cáo này xác nhận rằng, theo ý kiến của Ban Giám đốc, Báo cáo tài chính cùng với các thuyết minh kèm theo từ trang 09 đến trang 30 đã được lập một cách đúng đắn, phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Đơn vị tại ngày 31/12/2009 và kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam và các Quy định hiện hành tại Việt Nam.

Thay mặt Ban Giám đốc,

---

**Phạm Văn Hùng**

***Tổng Giám đốc***

Thay mặt và đại diện cho

**Công ty Cổ phần Tư vấn Sông Đà**

*Hà Nội, ngày 04 tháng 3 năm 2010*

## **BÁO CÁO KIỂM TOÁN**

*Về báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2009 của  
Công ty Cổ phần Tư vấn Sông Đà*

**Kính gửi: Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Tư vấn Sông Đà**

Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán Báo cáo tài chính gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2009, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2009 của Công ty Cổ phần Tư vấn Sông Đà (sau đây gọi tắt là “Đơn vị”) từ trang 09 đến trang 30 kèm theo. Báo cáo tài chính đã được lập theo các chính sách kế toán trình bày trong thuyết minh số IV của phần thuyết minh Báo cáo tài chính.

### **Trách nhiệm của Ban Giám đốc và của Kiểm toán viên**

Việc lập và trình bày báo cáo này thuộc trách nhiệm của Ban giám đốc Đơn vị. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các báo cáo này trên kết quả cuộc kiểm toán của chúng tôi.

### **Cơ sở của ý kiến**

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán Báo cáo tài chính theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải lập kế hoạch và tiến hành kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý rằng Báo cáo tài chính không còn chứa đựng các sai sót trọng yếu. Chúng tôi đã thực hiện việc kiểm tra theo phương pháp chọn mẫu và áp dụng các thử nghiệm cần thiết, các bằng chứng xác minh những thông tin trong Báo cáo tài chính; đánh giá việc tuân thủ các chuẩn mực và chế độ kế toán hiện hành (hoặc được chấp nhận), các nguyên tắc và phương pháp kế toán được áp dụng, các ước tính và xét đoán quan trọng của Ban giám đốc cũng như cách trình bày tổng quát các báo cáo tài chính. Chúng tôi cho rằng công việc kiểm toán của chúng tôi đã đưa ra những cơ sở hợp lý để làm căn cứ cho ý kiến của chúng tôi.

### **Ý kiến của Kiểm toán viên**

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Tư vấn Sông Đà xét trên các khía cạnh trọng yếu, đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Đơn vị tại ngày 31/12/2009 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành tại Việt Nam.

**Nguyễn Hữu Đông**

**Tổng Giám đốc**

Chứng chỉ KTV số: 0140/KTV

Thay mặt và đại diện

**Công ty TNHH Kiểm toán Đông Á**

Hà Nội, ngày 05 tháng 3 năm 2010

**Nguyễn Xuân Hòa**

**Kiểm toán viên**

Chứng chỉ KTV số: 0909/KTV

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 31/12/2009

Đơn vị tính: đ

<b>TÀI SẢN</b>	<b>Mã số</b>	<b>TM</b>	<b>31/12/2009</b>	<b>01/01/2009</b>
<b>A. Tài sản ngắn hạn</b>	<b>100</b>		<b>135.148.456.692</b>	<b>124.054.359.549</b>
<i>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</i>	<i>110</i>		<i>13.090.930.564</i>	<i>17.901.166.704</i>
1. Tiền	111	V.01	13.090.930.564	17.901.166.704
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
<i>II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</i>	<i>120</i>	<i>V.02</i>	<i>-</i>	<i>-</i>
<i>III. Các khoản phải thu</i>	<i>130</i>		<i>83.947.355.466</i>	<i>66.746.047.151</i>
1. Phải thu khách hàng	131		79.720.149.518	63.009.165.742
2. Trả trước cho người bán	132		2.088.071.887	2.851.709.849
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
5. Phải thu khác	138	V.03	2.239.517.106	985.554.605
6. Dự phòng phải thu khó đòi (*)	139		(100.383.045)	(100.383.045)
<i>IV. Hàng tồn kho</i>	<i>140</i>		<i>32.903.327.408</i>	<i>32.710.070.152</i>
1. Hàng tồn kho	141	V.04	32.903.327.408	32.710.070.152
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149		-	-
<i>V. Tài sản ngắn hạn khác</i>	<i>150</i>		<i>5.206.843.254</i>	<i>6.697.075.542</i>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		-	-
2. Thuế GGGT được khấu trừ	152		-	-
4. Tài sản ngắn hạn khác	158		5.206.843.254	6.697.075.542
<b>B. Tài sản dài hạn</b>	<b>200</b>		<b>27.697.458.888</b>	<b>18.108.174.829</b>
<i>I. Các khoản phải thu dài hạn</i>	<i>210</i>		<i>-</i>	<i>-</i>
<i>II. Tài sản cố định</i>	<i>220</i>		<i>4.409.023.917</i>	<i>3.846.701.723</i>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.08	2.423.561.088	3.177.850.126
- Nguyên giá	222		24.911.722.434	24.085.757.027
- Hao mòn lũy kế (*)	223		(22.488.161.346)	(20.907.906.901)
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.10	515.415.948	653.851.597
- Nguyên giá	228		1.077.156.286	1.077.156.286
- Hao mòn lũy kế (*)	229		(561.740.338)	(423.304.689)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.11	1.470.046.881	15.000.000
<i>III. Đầu tư bất động sản</i>	<i>240</i>		<i>-</i>	<i>-</i>
<i>IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</i>	<i>250</i>		<i>22.560.343.734</i>	<i>13.925.940.512</i>
1. Đầu tư vào Công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào Công ty liên kết liên doanh	252		2.460.343.731	2.460.343.731
3. Đầu tư dài hạn khác	258	V.13	20.100.000.003	11.465.596.781
<i>V. Các khoản ký quỹ, ký cược dài hạn</i>	<i>260</i>		<i>728.091.237</i>	<i>335.532.594</i>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.14	728.091.237	335.532.594
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	V.21	-	-
3. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
<b>CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>162.845.915.580</b>	<b>142.162.534.378</b>

Các thuyết minh từ trang 14 đến trang 30 là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính



**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP)**

Tại ngày 31/12/2009

Đơn vị tính: đ

NGUỒN VỐN	Mã số	TM	31/12/2009	01/01/2009
<b>A. Nợ phải trả</b>	<b>300</b>		<b>120.748.718.163</b>	<b>108.536.041.002</b>
<i>I. Nợ ngắn hạn</i>	<i>310</i>		<i>119.194.607.934</i>	<i>106.502.779.151</i>
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	V.15	-	-
2. Phải trả người bán	312		42.615.284.332	24.584.075.182
3. Người mua trả tiền trước	313		38.286.100.152	46.753.911.799
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.16	2.599.210.443	1.431.263.834
5. Phải trả người lao động	315		18.560.790.299	18.483.450.613
6. Chi phí phải trả	316	V.17	315.054.692	89.208.663
7. Phải trả nội bộ	317		-	364.781.287
9. Các khoản phải trả phải nộp khác	319	V.18	16.818.168.016	14.796.087.773
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		-	-
<i>II. Nợ dài hạn</i>	<i>320</i>		<i>1.554.110.229</i>	<i>2.033.261.851</i>
1. Phải trả dài hạn người bán	331		-	-
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332	V.19	-	-
3. Phải trả dài hạn khác	333		-	-
4. Vay và nợ dài hạn	334	V.20	21.700.000	883.485.000
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335	V.21	-	-
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		1.532.410.229	1.149.776.851
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337		-	-
<b>B. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>400</b>	<b>V.22</b>	<b>42.097.197.417</b>	<b>33.626.493.376</b>
<i>I. Vốn chủ sở hữu</i>	<i>410</i>		<i>41.753.738.507</i>	<i>33.463.440.816</i>
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		18.000.000.000	15.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412			
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413		8.502.618.712	568.375.955
4. Cổ phiếu ngân quỹ	414		(620.000)	-
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		-	-
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		4.427.587.793	8.438.866.418
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		1.054.827.961	687.745.473
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		-	-
10. Lợi nhuận chưa phân phối	420		9.769.324.041	8.768.452.970
11. Nguồn vốn đầu tư XDCB	421		-	-
<i>II. Nguồn vốn kinh phí</i>	<i>430</i>		<i>343.458.910</i>	<i>163.052.560</i>
1. Quỹ khen thưởng phúc lợi	431		325.547.910	145.141.560
2. Nguồn kinh phí	432	V.23	17.911.000	17.911.000
3. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	433		-	-
<b>CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>430</b>		<b>162.845.915.580</b>	<b>142.162.534.378</b>

Các thuyết minh từ trang 14 đến trang 30 là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính

**CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

*Tại ngày 31/12/2009*

<b>Chỉ tiêu</b>	<b>TM</b>	<b>31/12/2009</b>	<b>01/01/2009</b>
1. Tài sản thuê ngoài			-
2. Vật tư, hàng hoá nhận giữ hộ, nhận gia công			-
3. Hàng hoá nhận bán hộ, nhận ký gửi.			-
4. Nợ khó đòi đã xử lý			-
5. Ngoại tệ các loại (USD)		64.383	75.195,56
6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án			-

*Hà Nội, ngày 04 tháng 3 năm 2010*

**Kế toán trưởng**

**Tổng Giám đốc**

\_\_\_\_\_  
**Đinh Thị Nở**

\_\_\_\_\_  
**Phạm Văn Hùng**

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

*Năm 2009*

Chỉ tiêu	Năm 2009		Đơn vị tính: đ	
	số	TM	Năm 2009	Năm 2008
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	IV.08	138.386.414.995	131.347.184.652
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		6.060.253.618	3.913.118.688
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	10		132.326.161.377	127.434.065.964
4. Giá vốn hàng bán	11		109.994.902.966	105.648.467.917
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	20		22.331.258.411	21.785.598.047
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21		1.251.413.804	867.250.005
7. Chi phí hoạt động tài chính	22		101.524.276	947.190.847
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		100.233.359	899.804.548
8. Chi phí bán hàng				
9. Chi phí quản lý kinh doanh	24		12.305.814.854	13.605.390.080
<b>10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh</b> (30 = 20 + 21 - 22 - 24)	<b>30</b>		<b>11.175.333.085</b>	<b>8.100.267.125</b>
11. Thu nhập khác	31		70.883.899	3.161.929.329
12. Chi phí khác	32		141.129.478	1.066.940.268
<b>13. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)</b>	<b>40</b>		<b>(70.245.579)</b>	<b>2.094.989.061</b>
<b>14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b> (50 = 30 + 40)	<b>50</b>	<b>IV.09</b>	<b>11.105.087.506</b>	<b>10.195.256.186</b>
15. Chi phí thuế TNDN	51		1.335.763.465	1.426.803.216
<b>17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51 - 52)</b>	<b>60</b>		<b>9.769.324.041</b>	<b>8.768.452.970</b>
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu			5.427	5.846

Hà Nội, ngày 04 tháng 3 năm 2010

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc

Đinh Thị Nở

Phạm Văn Hùng

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**  
(Theo phương pháp trực tiếp)  
Năm 2009

Chỉ tiêu	Mã số	Năm 2009	Đơn vị tính: đ Năm 2008
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>			
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và kinh doanh khác	1	140.264.512.000	138.975.006.523
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	2	(17.308.004.386)	(34.535.059.972)
3. Tiền chi trả cho người lao động	3	(56.468.054.827)	(50.171.931.779)
4. Tiền chi trả lãi vay	4	(270.081.082)	(899.804.548)
5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	5	(1.347.078.581)	(1.300.017.635)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	6	10.437.919.146	20.334.695.921
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	7	(67.620.270.371)	(55.781.112.202)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>	<b>7.688.941.899</b>	<b>16.621.776.308</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền tệ từ hoạt động đầu tư</b>			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(997.991.829)	(1.740.861.367)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	1.500.000	1.004.367.858
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị	25	(8.634.403.222)	(10.865.596.781)
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	542.156.847	863.445.363
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>	<b>(9.088.738.204)</b>	<b>(10.738.644.927)</b>
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>			
2. Tiền chi trả vốn góp giúp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32	(620.000)	-
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	21.700.000	2.857.000.000
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(500.000.000)	(3.588.130.238)
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(3.000.000.000)	(2.550.000.000)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>	<b>(3.478.920.000)</b>	<b>(3.281.130.238)</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ</b>	<b>50</b>	<b>(4.878.716.305)</b>	<b>2.602.001.143</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu kỳ</b>	<b>60</b>	<b>17.901.166.704</b>	<b>15.299.165.561</b>
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại	61	68.480.165	-
<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ</b>	<b>70</b>	<b>13.090.930.564</b>	<b>17.901.166.704</b>

Hà Nội, ngày 04 tháng 3 năm 2010

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc

Đinh Thị Nở

Phạm Văn Hùng

Các thuyết minh từ trang 14 đến trang 30 là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Các thuyết minh từ trang 14 đến 30 là bộ phận không thể tách rời và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

### I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

Công ty Cổ phần Tư vấn Sông Đà được chuyển đổi từ Doanh nghiệp Nhà Nước là Công ty Tư vấn Sông Đà theo quyết định số 1680/QĐ - BXD ngày 28 tháng 10 năm 2004 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng.

Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103006450 lần đầu ngày 23/02/2005 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp, đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 7 ngày 12/8/2009.

Vốn điều lệ theo giấy đăng ký kinh doanh 18.000.000.000 (Mười tám tỉ đồng), tương ứng với số lượng cổ phần là 1.800.000 cổ phần (mệnh giá một cổ phần 10.000 đồng).

Lĩnh vực hoạt động của Đơn vị theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103006450 lần đầu ngày 23/02/2005 thay đổi lần thứ 7 ngày 12/8/2009 bao gồm :

- Khảo sát địa hình, địa chất công trình và thủy văn các công trình;
- Thí nghiệm để xác định các chỉ tiêu cơ lý của đất, nền móng và vật liệu xây dựng cho các công trình xây dựng;
- Lập kế hoạch tổng thể và quy hoạch chi tiết các công trình dân dụng, công nghiệp và các công trình kỹ thuật hạ tầng đô thị nhóm A;
- Lập dự án đầu tư, thẩm định dự án đầu tư các công trình dân dụng, công trình giao thông, thủy lợi, thủy điện, các công trình kỹ thuật hạ tầng đô thị đến nhóm A;
- Thiết kế các công trình thủy công, thủy lợi, thủy điện, nhà máy thủy điện, cấp thoát nước, công trình kỹ thuật đô thị;
- Thiết kế các công trình thủy công, thủy điện;
- Thiết kế nhà máy thủy điện;
- Thiết kế các công trình xây dựng dân dụng và công nghiệp, kỹ thuật hạ tầng đô thị;
- Thiết kế công trình xây dựng dân dụng và công nghiệp, kỹ thuật hạ tầng đô thị;
- Thiết kế công trình cấp, thoát nước;
- Thiết kế cơ - điện công trình;
- Thiết kế kết cấu đối với: công trình xây dựng dân dụng, công nghiệp, kỹ thuật hạ tầng đô thị;
- Thiết kế điện công trình xây dựng và công nghiệp;
- Lập dự toán các công trình dân dụng, công nghiệp, thủy lợi, thủy điện, giao thông, các công trình kỹ thuật hạ tầng đô thị đến nhóm A;
- Thẩm định thiết kế và tổng dự toán các công trình dân dụng, công nghiệp, thủy lợi, thủy điện, giao thông, các công trình kỹ thuật hạ tầng đô thị đến nhóm A;
- Tư vấn lập hồ sơ mời thầu xây lắp, hồ sơ mời thầu thiết bị các công trình xây dựng dân dụng, công nghiệp, thủy lợi, thủy điện, công trình giao thông, các công trình kỹ thuật hạ tầng đô thị đến nhóm A;
- Tư vấn giám sát xây dựng và lắp đặt thiết bị các công trình xây dựng dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi, thủy điện, các công trình kỹ thuật hạ tầng đô thị đến nhóm A;
- Trang trí nội thất;
- Xác định hiện trạng và đánh giá nguyên nhân sự cố các công trình xây dựng, khoan phun và xử lý nền móng các công trình xây dựng;

## **THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

*(Các thuyết minh từ trang 14 đến 30 là bộ phận không thể tách rời và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)*

### **I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP (TIẾP)**

- Kinh doanh bất động sản, kinh doanh khai thác các dịch vụ về nhà ở, khu đô thị, khu công nghiệp;
- Thiết kế công trình thủy lợi;
- Thiết kế xây dựng ngầm, thiết kế khai thác mỏ;
- Thiết kế các công trình xây dựng cầu và đường bộ;
- Đầu tư xây dựng các công trình dân dụng, công nghiệp, công trình giao thông, công trình thủy lợi, công trình kỹ thuật hạ tầng đô thị;
- Tư vấn đầu tư xây dựng đường dây và trạm biến áp đến 500 KV;
- Quản lý dự án công trình xây dựng dân dụng, công nghiệp, công trình giao thông, công trình thủy lợi, công trình kỹ thuật hạ tầng đô thị;
- Xây dựng các công trình dân dụng, công nghiệp, công trình giao thông, công trình thủy lợi, công trình kỹ thuật hạ tầng đô thị;
- Sản xuất và mua bán điện thương phẩm;
- Sản xuất và mua bán vật liệu xây dựng;
- Khoan nổ ngầm và hớ các công trình dân dụng, công trình công nghiệp, công trình giao thông, công trình thủy lợi, công trình kỹ thuật hạ tầng đô thị;
- Nhận ủy thác đầu tư của các tổ chức và cá nhân;
- Lập báo cáo đánh giá tác động môi trường các dự án đầu tư các công trình dân dụng công nghiệp, thủy lợi, thủy điện, giao thông, các công trình kỹ thuật hạ tầng khu đô thị đến nhóm A (chỉ thiết kế trong phạm vi các thiết kế đã Đăng ký kinh doanh);
- Khai thác, sản xuất và kinh doanh nước sạch phục vụ sinh hoạt và sản xuất công nghiệp;
- Giám sát thi công xây dựng và hoàn thiện công trình dân dụng, công nghiệp, hạ tầng kỹ thuật;
- Giám sát thi công xây dựng và hoàn thiện công trình công nghiệp, công trình ngầm và mỏ;
- Giám sát thi công xây dựng và hoàn thiện công trình giao thông;
- Giám sát thi công xây dựng lắp đặt thiết bị cơ khí trong công trình, lĩnh vực: lắp thiết bị công trình.

Trụ sở giao dịch công ty tại: G9 - Thanh Xuân Nam - Quận Thanh Xuân - Thành phố Hà Nội

### **II. NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**

#### **1. Niên độ kế toán**

Từ 01/01 đến 31/12 dương lịch hàng năm.

#### **2. Đơn vị tiền tệ được sử dụng trong kế toán**

Báo cáo tài chính được lập bằng đồng Việt Nam (đ), theo nguyên tắc giá gốc, phù hợp với các quy định của Chế độ kế toán doanh nghiệp.

## **THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

*(Các thuyết minh từ trang 14 đến 30 là bộ phận không thể tách rời và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)*

### **III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

#### **1. Chế độ kế toán áp dụng**

Đơn vị áp dụng chế độ kế toán theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ Tài chính về việc ban hành chế độ kế toán doanh nghiệp.

#### **2. Tuyên bố việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán Việt Nam**

Trong năm 2009 Công ty cổ phần Tư vấn Sông Đà đã triển khai áp dụng đầy đủ các chuẩn mực kế toán Việt Nam ban hành theo các quyết định của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính.

#### **3. Hình thức kế toán: Nhật ký chung**

### **IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

#### **1. Nguyên tắc xác định các khoản tiền và tương đương tiền**

Các nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ. Tại thời điểm cuối năm các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá bình quân liên ngân hàng do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam công bố vào ngày kết thúc niên độ kế toán.

Chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ tại thời điểm cuối năm được kết chuyển vào doanh thu hoặc chi phí tài chính trong năm tài chính.

Các khoản đầu tư ngắn hạn không quá 3 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành tiền và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm báo cáo.

#### **2. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp giá thực tế đích danh.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

#### **3. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao Tài sản cố định**

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Tài sản cố định thuê tài chính được ghi nhận nguyên giá theo giá trị hợp lý hoặc giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu (không bao gồm thuế GTGT) và các chi phí trực tiếp phát sinh ban đầu liên quan đến TSCĐ thuê tài chính. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định thuê tài chính được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

## **THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

*(Các thuyết minh từ trang 14 đến 30 là bộ phận không thể tách rời và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)*

### **IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP)**

#### **3. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao Tài sản cố định (tiếp)**

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	10-20 năm
- Máy móc, thiết bị	05-08 năm
- Phương tiện vận tải	06-08 năm
- Thiết bị văn phòng	03 năm
- TSCD vô hình	03-10 năm

#### **5. Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính**

Các khoản đầu tư tài chính của Công ty bao gồm góp vốn liên doanh và các khoản đầu tư khác được ghi nhận theo giá gốc, bắt đầu từ ngày góp vốn đầu tư.

#### **6. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hoá các khoản chi phí đi vay**

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”.

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá), bao gồm các khoản lãi tiền vay, phân bổ các khoản chiết khấu hoặc phụ trội khi phát hành trái phiếu, các khoản chi phí phụ phát sinh liên quan tới quá trình làm thủ tục vay.

#### **7. Nguyên tắc ghi nhận và phân bổ chi phí trả trước**

Các chi phí trả trước chỉ liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh năm tài chính hiện tại được ghi nhận là chi phí trả trước ngắn hạn và được tính vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính.

Các chi phí sau đây đã phát sinh trong năm tài chính nhưng được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong nhiều năm:

- Chi phí chạy thử có tải, sản xuất thử phát sinh lớn;
- Công cụ dụng cụ xuất dùng có giá trị lớn;
- Chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định phát sinh một lần quá lớn.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

#### **8. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả**

Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở



## **THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

*(Các thuyết minh từ trang 14 đến 30 là bộ phận không thể tách rời và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)*

đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

### **IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP)**

#### **9. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận các khoản dự phòng phải trả**

Giá trị được ghi nhận của một khoản dự phòng phải trả là giá trị được ước tính hợp lý nhất về khoản tiền sẽ phải chi để thanh toán nghĩa vụ nợ hiện tại tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm hoặc tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ.

Chỉ những khoản chi phí liên quan đến khoản dự phòng phải trả đã lập ban đầu mới được bù đắp bằng khoản dự phòng phải trả đó.

Khoản chênh lệch giữa số dự phòng phải trả đã lập ở kỳ kế toán trước chưa sử dụng hết lớn hơn số dự phòng phải trả lập ở kỳ báo cáo được hoàn nhập ghi giảm chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khoản chênh lệch lớn hơn của khoản dự phòng phải trả về bảo hành công trình xây lắp được hoàn nhập vào thu nhập khác trong kỳ.

#### **10. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận vốn chủ sở hữu**

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ.

Vốn khác của chủ sở hữu được ghi theo giá trị còn lại giữa giá trị hợp lý của các tài sản mà doanh nghiệp được các tổ chức, cá nhân khác tặng, biếu sau khi trừ (-) các khoản thuế phải nộp (nếu có) liên quan đến các tài sản được tặng, biếu này và khoản bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh

Cổ phiếu quỹ là cổ phiếu do Công ty phát hành và sau đó mua lại. Cổ phiếu quỹ được ghi nhận theo giá trị thực tế và trình bày trên Bảng Cân đối kế toán là một khoản ghi giảm vốn chủ sở hữu.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trong Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

#### **11. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu**

##### ***Doanh thu bán hàng***

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;

## **THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

*(Các thuyết minh từ trang 14 đến 30 là bộ phận không thể tách rời và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)*

- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng

## **IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP)**

### **11. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu (tiếp)**

#### ***Doanh thu cung cấp dịch vụ***

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

#### ***Doanh thu hoạt động tài chính***

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

#### ***Doanh thu hợp đồng xây dựng***

Doanh thu cung cấp dịch vụ tư vấn thiết kế, khảo sát có liên quan đến nhiều kỳ báo cáo doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành thành theo giai đoạn.

Thu nhập khác phản ánh các khoản thu nhập ngoài hoạt động tạo ra doanh thu của Công ty trong kỳ. Thu nhập khác gồm: thu từ hoạt động thanh lý, nhượng bán, thu từ các khoản nợ khó đòi đã xử lý xóa nợ, các khoản thu nhập bất thường khác.

### **12. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính**

Chi phí tài chính của Đơn vị chủ yếu là chi phí lãi tiền vay ngắn hạn, dài hạn và các khoản lỗ chênh lệch tỷ giá ngoại tệ. Chi phí lãi tiền vay được ghi nhận dựa trên lãi suất tiền vay và số dư tiền vay thực tế theo từng kỳ hạn. Lỗ chênh lệch tỷ giá ngoại tệ được ghi nhận từ việc trao đổi thực tế hoặc quy đổi cùng một số lượng tiền tệ khác sang đơn vị tiền tệ kế toán theo tỷ giá hối đoái khác nhau.

### **13. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, chi phí thuế thu nhập hoãn lại**

### THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh từ trang 14 đến 30 là bộ phận không thể tách rời và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

Chi phí thuế TNDN hiện hành được ghi nhận dựa trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành.

### IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP)

#### *Thuế Giá trị gia tăng:*

Công ty áp dụng kê khai, tính thuế GTGT theo luật thuế hiện hành, thuế suất GTGT đầu ra là 10%.

#### *Thuế thu nhập doanh nghiệp:*

Công ty áp dụng kê khai, tính thuế TNDN theo luật thuế hiện hành, thuế suất thuế TNDN là 25% thu nhập chịu thuế.

Công ty được miễn thuế TNDN trong 02 năm và giảm 50% thuế TNDN trong vòng 3 năm theo Nghị định 187/2004-NĐ-CP ngày 16/11/2004 và Thông tư 128/2003/TT-BTC ngày 22/12/2003 của Bộ Tài chính, năm 2009 là năm thứ 2 Công ty được giảm 50% số thuế TNDN.

### V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

#### 1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	<i>Đơn vị tính: đ</i>	
	<u>31/12/2009</u>	<u>01/01/2009</u>
Tiền mặt	454.358.686	376.320.530
Tiền gửi ngân hàng	12.636.571.878	17.524.846.174
Tiền đang chuyển		-
<b>Tổng cộng</b>	<b><u>13.090.930.564</u></b>	<b><u>17.901.166.704</u></b>

#### 3. Phải thu khác

	<i>Đơn vị tính: đ</i>	
	<u>31/12/2009</u>	<u>01/01/2009</u>
Phải thu khác	2.239.517.106	985.554.605
<b>Tổng cộng</b>	<b><u>2.239.517.106</u></b>	<b><u>985.554.605</u></b>

#### 4. Hàng tồn kho

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

(Các thuyết minh từ trang 14 đến 30 là bộ phận không thể tách rời và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

	<i>Đơn vị tính: đ</i>	
	<u>31/12/2009</u>	<u>01/01/2009</u>
- Hàng mua đang đi đường	-	-
- Nguyên liệu, vật liệu	14.412.371	16.773.982
- Chi phí SX, KD dở dang	32.888.915.037	32.693.296.170
<b>Tổng cộng giá gốc hàng tồn kho</b>	<b><u>32.903.327.408</u></b>	<b><u>32.710.070.152</u></b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

(C, c thuy Ờt minh tở trang 14 Ờ Ờn 30 lụ bẻ ph Ờn kh Ờng th Ờ t, ch rẻi vụ c Ờn Ờ-íc Ờ Ờc Ờ Ờng thẻi vủi B, o c, o tụi ch Ờnh)

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN ( TIẾP )**

**8. Tăng giảm tài sản cố định hữu hình**

Chỉ tiêu	Nhà cửa	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị dụng cụ quản lý	TSCĐ khác	Đơn vị tính: đ
						Tổng cộng
<b>Nguyên giá</b>						
Tại ngày 01/01/2009	5.788.013.550	10.432.440.893	7.405.510.146	459.792.438	-	24.085.757.027
<b>Tăng trong kỳ</b>	-	766.060.856	364.907.167	125.691.438	-	1.256.659.461
- Mua mới	-	766.060.856	364.907.167	125.691.438	-	1.256.659.461
- Đầu tư XD CB hoàn thành	-	-	-	-	-	-
- Tăng khác	-	-	-	-	-	-
<b>Giảm trong kỳ</b>	-	79.486.887	351.207.167	-	-	430.694.054
- Thanh lý, nhượng bán	-	79.486.887	-	-	-	79.486.887
- Giảm khác	-	-	351.207.167	-	-	351.207.167
<b>Tại ngày 31/12/2009</b>	<b>5.788.013.550</b>	<b>11.119.014.862</b>	<b>7.419.210.146</b>	<b>585.483.876</b>	-	<b>24.911.722.434</b>
<b>Giá trị hao mòn</b>						
Tại ngày 01/01/2009	5.788.013.550	8.409.937.114	6.371.030.204	338.926.033	-	20.907.906.901
- Khấu hao trong năm	-	1.047.129.834	534.836.714	77.774.784	-	1.659.741.332
- Thanh lý, nhượng bán	-	79.486.887	-	-	-	79.486.887
- Giảm khác	-	-	-	-	-	-
<b>Tại ngày 31/12/2009</b>	<b>5.788.013.550</b>	<b>9.377.580.061</b>	<b>6.905.866.918</b>	<b>416.700.817</b>	-	<b>22.488.161.346</b>
<b>Giá trị còn lại</b>						
Tại ngày 01/01/2009	-	2.022.503.779	1.034.479.942	120.866.405	-	3.177.850.126
Tại ngày 31/12/2009	-	1.741.434.801	513.343.228	168.783.059	-	2.423.561.088

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

(C, c thuyết minh từ trang 14 đến 30 lục bộ phần không thuộc, chi tiết vụ công tác các bảng kê chi B, o c, o tại chi)

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN ( TIẾP )**

**10. Tăng giảm tài sản cố định vô hình**

Chỉ tiêu	<i>Đơn vị tính: đ</i>				
	Quyền sử dụng đất	Nhãn hiệu hàng hóa	Giấy phép & nhượng quyền	TSCĐ vô hình khác	Tổng cộng
<b>Nguyên giá</b>					
<b>Tại ngày 01/01/2009</b>	-	<b>1.000.000.000</b>		<b>77.156.286</b>	<b>1.077.156.286</b>
- Mua mới	-		-	-	-
- Tặng khác	-		-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	-		-	-	-
- Giảm khác	-		-	-	-
<b>Tại ngày 31/12/2009</b>	-	<b>1.000.000.000</b>	-	<b>77.156.286</b>	<b>1.077.156.286</b>
<b>Giá trị hao mòn</b>					
<b>Tại ngày 01/01/2009</b>	-	<b>396.300.864</b>	-	<b>27.003.825</b>	<b>423.304.689</b>
- Khấu hao trong năm	-	100.616.520	-	37.819.129	138.435.649
- Tặng khác	-		-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	-		-	-	-
- Giảm khác	-		-	-	-
<b>Tại ngày 31/12/2009</b>	-	<b>496.917.384</b>	-	<b>64.822.954</b>	<b>561.740.338</b>
<b>Giá trị còn lại</b>					
<b>Tại ngày 01/01/2009</b>	-	<b>603.699.136</b>	-	<b>50.152.461</b>	<b>653.851.597</b>
<b>Tại ngày 31/12/2009</b>	-	<b>503.082.616</b>	-	<b>12.333.332</b>	<b>515.415.948</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

(Các thuyết minh từ trang 14 đến 30 là bộ phận không thể tách rời và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP)**

**11. Chi phí XDCB dở dang**

	<i>Đơn vị tính: đ</i>	
	<b>31/12/2009</b>	<b>01/01/2009</b>
Chi phí XDCB dở dang	1.470.046.881	15.000.000
<b>Tổng cộng</b>	<b>1.470.046.881</b>	<b>15.000.000</b>

**13. Đầu tư dài hạn khác**

	<i>Đơn vị tính: đ</i>	
	<b>31/12/2009</b>	<b>01/01/2009</b>
Đầu tư dài hạn khác	20.100.000.003	11.465.596.781
<b>Tổng cộng</b>	<b>20.100.000.003</b>	<b>11.465.596.781</b>

**14. Chi phí trả trước dài hạn**

	<i>Đơn vị tính: đ</i>	
	<b>31/12/2009</b>	<b>01/01/2009</b>
- Chi phí trả trước	728.091.237	335.532.594
<b>Tổng cộng</b>	<b>728.091.237</b>	<b>335.532.594</b>

**16. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

	<i>Đơn vị tính: đ</i>	
	<b>31/12/2009</b>	<b>01/01/2009</b>
Thuế giá trị gia tăng	2.213.249.986	1.107.430.306
Thuế thu nhập doanh nghiệp	291.471.029	367.516.806
Thuế thu nhập cá nhân	57.417.462	54.856.145
Thuế nhà đất và tiền thuê đất		-
Các loại thuế khác	37.071.966	(98.539.423)
<b>Tổng cộng</b>	<b>2.599.210.443</b>	<b>1.431.263.834</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

(Các thuyết minh từ trang 14 đến 30 là bộ phận không thể tách rời và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

**17. Chi phí phải trả**

	<i>Đơn vị tính: đ</i>	
	<u>31/12/2009</u>	<u>01/01/2009</u>
Chi phí phải trả	315.054.692	89.208.663
<b>Tổng cộng</b>	<b><u>315.054.692</u></b>	<b><u>89.208.663</u></b>

**18. Phải trả, phải nộp ngắn hạn khác**

	<i>Đơn vị tính: đ</i>	
	<u>31/12/2009</u>	<u>01/01/2009</u>
Tài sản thừa chờ xử lý		-
Kinh phí công đoàn	693.569.100	764.626.753
Bảo hiểm xã hội	8.911.817	379.792
Bảo hiểm y tế	908.718	1.148.128
Kinh phí Đảng	689.340.861	511.717.071
Các khoản phải trả, phải nộp khác	15.425.437.520	13.518.216.029
<b>Tổng cộng</b>	<b><u>16.818.168.016</u></b>	<b><u>14.796.087.773</u></b>

**20. Vay và nợ dài hạn**

	<i>Đơn vị tính: đ</i>	
	<u>31/12/2009</u>	<u>01/01/2009</u>
<b>a- Vay dài hạn</b>	<b>21.700.000</b>	<b>883.485.000</b>
Vay đối tượng khác	21.700.000	883.485.000
<b>Tổng cộng</b>	<b><u>21.700.000</u></b>	<b><u>883.485.000</u></b>



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

(C, c thuyết minh từ trang 14 đến 30 lục hệ phần không thuộc, chi tiết vụ công tác đặc biệt ảnh hưởng tới B, o c, o tại chi tiết)

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP)**

**22. Vốn chủ sở hữu**

Đơn vị tính: đ

**22a. Bảng đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu**

Chỉ tiêu	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Vốn khác của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Cổ phiếu quỹ	Lợi nhuận chưa phân phối	Tổng cộng
<b>Số dư tại 01/01/2008</b>	<b>15.000.000.000</b>	<b>568.375.955</b>	<b>5.023.096.747</b>	<b>380.270.295</b>	-	<b>7.318.660.453</b>	<b>28.290.403.450</b>
- Tăng vốn trong năm trước	-	-	3.415.769.671	307.475.178	-	8.768.452.970	12.491.697.819
- Tăng vốn năm trước	-	-	3.415.769.671	307.475.178	-	-	3.723.244.849
- Lãi trong năm trước	-	-	-	-	-	8.768.452.970	8.768.452.970
- Tăng khác	-	-	-	-	-	-	-
- Giảm vốn trong năm trước	-	-	-	-	-	7.318.660.453	7.318.660.453
- Lỗ trong năm trước	-	-	-	-	-	-	-
- Chia cổ tức	-	-	-	-	-	2.550.000.000	2.550.000.000
- Giảm khác	-	-	-	-	-	4.768.660.453	4.768.660.453
<b>Số dư tại 31/12/2008</b>	<b>15.000.000.000</b>	<b>568.375.955</b>	<b>8.438.866.418</b>	<b>687.745.473</b>	-	<b>8.768.452.970</b>	<b>33.463.440.816</b>
-Tăng vốn trong năm nay	3.000.000.000	7.934.242.757	3.922.964.132	367.082.488	(620.000)	11.105.087.506	26.328.756.883
- Lãi trong năm nay	-	-	-	-	-	9.769.324.041	9.769.324.041
- Tăng khác	3.000.000.000	7.934.242.757	3.922.964.132	367.082.488	(620.000)	1.335.763.465	16.559.432.842
- Giảm vốn trong năm nay	-	-	7.934.242.757	-	-	10.104.216.435	18.038.459.192
- Lỗ trong năm nay	-	-	-	-	-	-	-
- Chia cổ tức	-	-	-	-	-	3.000.000.000	3.000.000.000
- Giảm khác	-	-	7.934.242.757	-	-	7.104.216.435	15.038.459.192
<b>Số dư tại 31/12/2009</b>	<b>18.000.000.000</b>	<b>8.502.618.712</b>	<b>4.427.587.793</b>	<b>1.054.827.961</b>	<b>(620.000)</b>	<b>9.769.324.041</b>	<b>41.753.738.507</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

(C, c thuyỐt minh tở trang 14 @Ốn 30 lụ bé phỄn kh«ng thỐ t, ch rừi vụ cCn @-íc @ăc @ảng thừi vừi B, o c, o tụi chỠnh)

**v. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP)**

**22b. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu**

	<i>Đơn vị tính: đ</i>	
	<b>31/12/2009</b>	<b>01/01/2009</b>
- Vốn góp của Nhà nước	9.180.000.000	7.650.000.000
- Vốn góp của các đối tượng khác	8.820.000.000	7.350.000.000
<b>Tổng cộng</b>	<b>18.000.000.000</b>	<b>15.000.000.000</b>

**22c - Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận**

	<i>Đơn vị tính: đ</i>	
	<b>31/12/2009</b>	<b>01/01/2009</b>
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
+ Vốn góp đầu năm	15.000.000.000	15.000.000.000
+ Vốn góp tăng trong năm	3.000.000.000	-
+ Vốn góp giảm trong năm		-
+ Vốn góp cuối năm	18.000.000.000	15.000.000.000
- Cổ tức, lợi nhuận đã chia	3.000.000.000	3.000.000.000

**22d - Cổ phiếu**

	<i>Đơn vị tính: đ</i>	
	<b>31/12/2009</b>	<b>01/01/2009</b>
- Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	1.800.000	1.500.000
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng		
+ Cổ phiếu phổ thông	1.800.000	1.500.000
- Số lượng cổ phiếu được mua lại		
+ Cổ phiếu phổ thông		
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	1.800.000	1.500.000
+ Cổ phiếu phổ thông		
+ Cổ phiếu ưu đãi		
* Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành:	10.000	10.000

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

(C, c thuyỐt minh tở trang 14 @Ồn 30 lụ bé phỄn kh«ng thỐ t, ch rừi vụ cCn @-íc @ăc @ảng thừi vừi B, o c, o tụi chỠnh)

**22e. Các quỹ của doanh nghiệp:**

	<i>Đơn vị tính: đ</i>	
	<b>31/12/2009</b>	<b>01/01/2009</b>
- Quỹ đầu tư phát triển	4.427.587.793	8.438.866.418
- Quỹ dự phòng tài chính	1.054.827.961	687.745.473
- Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	-	-
- Quỹ khen thưởng, phúc lợi	325.547.910	145.141.560

\* Mục đích trích lập và sử dụng các quỹ của doanh nghiệp

+Quỹ đầu tư phát triển dùng để mở rộng , phát triển sản xuất kinh doanh hoặc đầu tư theo chiều sâu của đơn vị, chi phí cho công tác đào tạo, nâng cao nghiệp vụ, trình độ chuyên môn cho cán bộ trong đơn vị

+Quỹ dự phòng tài chính nhằm bù đắp thua lỗ hoặc duy trì hoạt động bình thường của Công ty trong các trường hợp thật cần thiết.

**23. Nguồn kinh phí**

	<i>Đơn vị tính: đ</i>	
	<b>01/01/2009</b>	<b>01/01/2008</b>
Nguồn kinh phí được cấp trong năm		
Chi sự nghiệp		
Nguồn kinh phí còn lại cuối năm	17.911.000	17.911.000
<b>Cộng</b>	<b>17.911.000</b>	<b>17.911.000</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

(C, c thuyỐt minh tở trang 14 @Ồn 30 lụ bé phỄn kh«ng thỐ t, ch rừi vụ cCn @-íc @ăc @ảng thừi vừi B, o c, o tụi chỠnh)

**VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

**25. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	<i>Đơn vị tính: đ</i>	
	<u>Năm 2009</u>	<u>Năm 2008</u>
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	138.386.414.995	131.347.184.652
<b>Tổng cộng</b>	<b><u>138.386.414.995</u></b>	<b><u>131.347.184.652</u></b>

**26. Các khoản giảm trừ doanh thu**

	<i>Đơn vị tính: đ</i>	
	<u>Năm 2009</u>	<u>Năm 2008</u>
Doanh thu nội bộ	-	1.837.537.190
Giảm giá hàng bán	6.060.253.618	1.392.259.829
Hàng bán bị trả lại	-	683.321.669
<b>Tổng cộng</b>	<b><u>6.060.253.618</u></b>	<b><u>3.913.118.688</u></b>

**27. Doanh thu thuần**

	<i>Đơn vị tính: đ</i>	
	<u>Năm 2009</u>	<u>Năm 2008</u>
Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	132.326.161.377	127.434.065.964
<b>Tổng cộng</b>	<b><u>132.326.161.377</u></b>	<b><u>127.434.065.964</u></b>

**28. Giá vốn hàng bán**

	<i>Đơn vị tính: đ</i>	
	<u>Năm 2009</u>	<u>Năm 2008</u>
Giá vốn của hàng hoá đã bán	109.994.902.966	105.648.467.917
<b>Tổng cộng</b>	<b><u>109.994.902.966</u></b>	<b><u>105.648.467.917</u></b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

(C, c thuyỐt minh tở trang 14 @Ồn 30 lụ bé phỄn kh«ng thỐ t, ch rừi vụ cCn @-íc @ăc @ảng thừi vừi B, o c, o tụi chỠnh)

**VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

**29. Doanh thu hoạt động tài chính**

	<i>Đơn vị tính: đ</i>	
	<b>Năm 2009</b>	<b>Năm 2008</b>
Lãi tiền gửi, cho vay	832.434.019	863.445.363
Cổ tức, lợi nhuận được chia	350.499.620	
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	68.480.165	3.804.642
<b>Tổng cộng</b>	<b>1.251.413.804</b>	<b>867.250.005</b>

**30. Chi phí hoạt động tài chính**

	<i>Đơn vị tính: đ</i>	
	<b>Năm 2009</b>	<b>Năm 2008</b>
Chi phí lãi vay	100.233.359	899.804.548
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện		-
Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư ngắn, dài hạn		-
Chi phí tài chính khác	1.290.917	47.386.299
<b>Tổng cộng</b>	<b>101.524.276</b>	<b>947.190.847</b>

**31. Chi phí thuế TNDN hiện hành**

	<i>Đơn vị tính: đ</i>	
	<b>Năm 2009</b>	<b>Năm 2008</b>
Chi phí TNDN tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	1.335.763.465	1.426.803.216
<b>Tổng cộng</b>	<b>1.335.763.465</b>	<b>1.426.803.216</b>

**VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC**

**5. Thông tin so sánh**

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

*(C, c thuyết minh từ trang 14 đến 30 lục bổ phần không thuộc, chi rời vụ c/n - ic - ác - ảnh thể vi B, o c, o tui ch ýnh)*

Số liệu Báo cáo tài chính tại ngày 31/12/2008 chuyển sang ngày 01/01/2009 của Công ty được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn VN (nay là Công ty TNHH Kiểm toán Đông Á).

*Hà Nội, ngày 04 tháng 03 năm 2010*

**Kế toán trưởng**

**Tổng Giám đốc**

\_\_\_\_\_  
**Đinh Thị Nở**

\_\_\_\_\_  
**Phạm Văn Hùng**